TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/DS-PT
Ngày 13 - 5 - 2019
V/v:Tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Ngô Xuân Ninh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình và Ông Nguyễn Đắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 09/4 và ngày 13/5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLPT- DS ngày 01 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp".

Do bản án sơ thẩm số:17/2018/DS-ST, ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2019/QĐ- PT ngày 25/02/2019 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn:Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973

Địa chỉ : Thôn Phù Lang, xã Phù Lương, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh Ng, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu Thượng, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

2- Bị đơn:Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn Phù Lang, xã Phù Lương, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt)

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Thế Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Phù Lang, xã Phù Lương, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Đức Th - Văn phòng Luật sư Đức Thịnh - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

3- Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

4-Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ phải trả lại cho bà quyền sử dụng đất ruộng ở cánh đồng Dộc Lẹ, thôn Phù Lang, diện tích 03 sào, hiện sổ sách, giấy tờ đứng tên bà Đ. Đây là định xuất ruộng bà được chia cùng gia đình từ năm 1978, mỗi khẩu 04 sào. Khi bà đi lấy chồng năm 1990 thì số ruộng này gia đình mẹ bà (bà Trần Thị H) vẫn quản lý sử dụng. Lúc đó bố bà (ông Nguyễn Thế Từ) đã mất, chỉ còn mẹ bà vẫn ở chung với các con. Sau khi bà H mất thì anh trai bà là ông Nguyễn Thế Đ sử dụng của bà 01 sào, còn bà Đ là chị Dâu vẫn đứng tên trên sổ sách, giấy tờ là quyền sử dụng 03 sào của bà. Năm 2018, khi bà khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông Nguyễn Thế Đ phải trả bà 01 sào ruộng mà ông Đ sử dụng của bà thì giữa bà và ông Đ đã thỏa thuận hòa giải. Tòa án nhân dân huyện Quế Võ đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 01/2018/QĐST-DS ngày 23/01/2018 với nội dung gia đình ông Nguyễn Thế Đ nhất trí trả cho bà Nguyễn Thị T quyền sử dụng thửa đất ruộng diện tích 353 m^2 tại cánh đồng Dộc Lẹ, thôn Phù Lang.

Đối với 03 sào đất nông nghiệp thuộc định suất của bà thì hiện đang do bà Nguyễn Thị Đ quản lý, đứng tên giấy tờ sổ sách. Năm 1990 bà đi lấy chồng ở cùng thôn, nên năm 1991 hay 1992 thì bà H trả cho làm riêng 03 sào ruộng này từ đó đến nay. Còn trên sổ sách 03 sào ruộng này vẫn đứng tên bà H quản lý. Sau khi bà H mất năm 2000, thì sổ sách ruộng đất của nhà bà thôn xã tự chuyển sang đứng tên bà Nguyễn Thị Đ như hiện nay. Vì bà Đ là con dâu trưởng khi bà H mất thì bà Đ đứng tên làm chủ hộ, do anh trai cả bà ông Nguyễn Thế Đ là chồng bà Đ thì đã chết năm 1990.

Mặc dù hiện nay bà vẫn là người quản lý sử dụng 03 sào ruộng này nhưng khi bà yêu cầu bà Đ phải chuyển tên trên giấy tờ sổ sách cho bà thì bà Đ không trả. UBND xã Phù Lương cũng tiến hành hòa giải nhưng không đạt kết quả. Cụ thể 03 sào ruộng của bà ở cánh đồng Dộc Lẹ, thôn Phù Lương liền kề nhau. Có tứ cận: Phía Đông giáp ruộng nhà vợ chồng bà Lương ông Toàn; Phía Nam giáp ruộng nhà vợ chồng ông Tuế bà Liêm; Phía Tây giáp ruộng nhà ông Nho bà Hà; Phía Bắc giáp ruộng của bà do ông Đ trả lại năm 2018 theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của Tòa án. Nếu nay bà Đ nhất trí hòa giải trả cho bà diện tích ruộng trên thì bà sẽ rút đơn, về gia đình và địa phương giải quyết. Còn không hòa giải được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà Đ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc đòi số ruộng 03 sào trên. Vì 03 sào ruộng này bà Trần Thị H (mẹ chồng bà Đ)

khi còn sống đã cho bà Đ sử dụng. Lúc đó ông Nguyễn Thế Đ là em chồng bà Đ cũng được bà H tách ruộng cho ra làm riêng. Tuy nhiên việc cho và tách ruộng của bà H chỉ bằng miệng chứ không có giấy tờ gì. Hiện nay, sổ sách, giấy tờ đối với 03 sào ruộng này đều đứng tên bà Đ là người quản lý sử dụng. Còn thực tế bà Nguyễn Thị T vẫn sử dụng 03 sào ruộng trên từ năm 2004 - 2005 đến nay, chứ không phải từ năm 1991 - 1992 như bà T nói. Việc bà T sử dụng 03 sào ruộng này là do bà Đ cho bà T cấy để lấy thóc ăn.

Trước kia khi tình cảm gia đình vẫn còn, bà T chỉ đòi ông Đ và bà Đ trả 03 sào ruộng trong số 04 sào định suất của bà T, nhưng ông Đ và bà Đ chỉ nói trả một nửa là 02 sào nên bà T không nhất trí, do vậy mâu thuẫn ngày một căng thẳng. Trước kia anh Đức là con trai bà Đ biết chuyện đã nói chuyện với bà T vì tình cảm gia đình cứ cấy lấy thóc ăn, về sau nếu được đền bù thì cô cháu thương thảo với nhau, nhưng bà T vẫn không đồng ý mà muốn tách sổ riêng cho bà T nên gia đình bà Đ không đồng ý. Gia đình bà được biết trước đây bà T đã kiện đòi ông Đ 01 sào ruộng, ông Đ đã trả cho bà T. Nay bà T lại kiện bà đòi nốt 03 sào ruộng nữa thì gia đình vẫn mong muốn hòa giải, nếu bà T nhất trí lấy 01 sào thì bà Đ sẽ trả, cộng với 01 sào ông Đ đã trả bà T trước đây thì bà T đã được 02 sào (một nửa định xuất ruộng) như những gia đình khác ở trong thôn vẫn giải quyết hòa giải như vậy. Nếu bà T đòi hơn thì bà Đ không nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ đã áp dụngcác Điều 579 Bộ luật dân sự; Điều 101, điểm a Khoản 2 Điều 131 Luật Đất đai; Điều 144, 147, 157, 165, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà T 03 sào ruộng ở xứ đồng Dộc Lẹ, thôn Phù Lang, xã Phù Lương, Quế Võ, Bắc Ninh, có tứ cận: Phía Đông giáp ruộng nhà vợ chồng bà Lương ông Toàn; Phía Nam giáp ruộng nhà vợ chồng ông Tuế bà Liêm; Phía Tây giáp ruộng nhà ông Nho bà Hà; Phía Bắc giáp ruộng của bà T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/12/2018,bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm, không đồng ý yêu cầu đòi ruộng của bà T.

Ngày 28/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bà Đ phải trả lại cho bà 3 sào ruộng tại cánh đồng Dộc lẹ, thôn Phù Lang và được đứng tên quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với 3 sào ruộng này theo quy định.

- Đại diện theo ủy quyền của bà Đ giữ nguyên đơn kháng cáo, không đồng ý yêu cầu đòi ruộng của bà T vì 03 sào ruộng này thuộc quyền sử dụng của bà Đ được bà H chia cho từ năm 1990-1991; bà T sau khi đi lấy chồng đã được HTX chia cho 04 sào ruộng khác rồi nên bà T không có quyền đòi 03 sào ruộng này.

- Luật sư Nguyễn Đức Th cho rằng với các căn cứ trong hồ sơ vụ án xác định bà T không có quyền sử dụng 3 sào ruộng đất nông nghiệp theo đơn khởi kiện, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của bà T. Mặt khác, theo lời khai của các đương sự trong vụ án thì khoảng năm 1992-1993 bà T còn được địa phương chia cho 4 sào ruộng canh tác, đây chính là tiêu chuẩn ruộng của bà T.

**** Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến:***

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến thời điểm này là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự theo quy định.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra chứng cứ, tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh rút một phần kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, chấp nhận một phần kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Ninh; căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự theo hướng sửa bản án sơ thẩm: Tuyên cho bà T có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ và kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Bắc Ninh đảm bảo đúng quy định nên chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Căn cứ yêu cầu của nguyên đơn cấp sơ thẩm thụ lý và xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp". Tuy vậy, với nội dung của vụ án mà đương sự yêu cầu giải quyết trong vụ án, HĐXX thấy rằng phải xác định chính xác quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nông nghiệp".

[3] Xét kháng cáo của nghị của bà Nguyễn Thị Đ thì thấy:

Cụ Nguyễn Thế Từ, mất năm 1983 và cụ Trần Thị H, mất năm 2000 sinh được 6 người con gồm: bà Nguyễn Thị Â, sinh năm 1955; ông Nguyễn Thế Đ, mất năm 1990 (vợ là bà Nguyễn Thị Đ); ông Nguyễn Thế Đ, sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1966; bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973. Căn cứ lời khai của các con cụ T và cụ H đều xác định nguồn gốc diện tích 03 sào ruộng tại xứ đồng Dộc Lẹ, thôn Phù Lang đang tranh chấp này là của gia đình cụ T sau khi rời khỏi HTX thôn Phù Lang năm 1987 thì được chia cấp theo tiêu chuẩn mỗi định suất là 04 sào. Thời điểm đó gia đình cụ T gồm có 07 nhân khẩu được chia ruộng gồm: cụ T, cụ H, ông Đ, ông Đ, bà Q, bà T và bà T. Riêng bà Â không được chia ruộng vì năm đó bà đã xây dựng gia đình và đang ở trong HTX. Tổng diện tích gia đình cụ T được chia là 2 mẫu 8 sào. Việc chia ruộng này đã được ông Trịnh Đắc Sâm - nguyên Chủ nhiệm HTX thôn Phù Lang; ông Trịnh Đắc Thắng - nguyên Phó Chủ nhiệm HTX thôn Phù Lang và ông Trần Văn Lượng - nguyên kế toán HTX thôn Phù Lang thời kỳ đó xác nhận; trong đó bà Nguyễn Thị T có định suất là 04 sào.

Khi bà T đi lấy chồng năm 1990 thì số ruộng này gia đình cụ H mẹ bà T vẫn quản lý sử dụng; sau đó theo ông Đ và bà Đ thì cụ H đã chia cho ông Đ sử dụng 01 mẫu; bà Đ sử dụng 01 mẫu 8 sào. Năm 2000 sau khi cụ H mất thì sổ sách ruộng đất của cụ H thôn, xã tự chuyển sang đứng tên cho bà Đ và ông Đ. Bản thân bà Đ cũng thừa nhận đất tranh chấp này là của mẹ chồng bà để lại cho bà, nhưng chỉ cho miệng chứ không có giấy tờ gì. Theo bà Nguyễn Thị T trình bày thì diện tích 03 sào ruộng tại xứ đồng Dộc Lẹ, thôn Phù Lang đang tranh chấp này cụ H đã trả cho bà làm riêng từ năm 1991 sau khi bà đi lấy chồng và bà sử dụng từ đó đến nay. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 01/2018/QĐST-DS ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ thì gia đình ông Nguyễn Thế Đ nhất trí trả cho bà Nguyễn Thị T quyền sử dụng thửa đất ruộng diện tích 353 m^2(gần 01 sào) tại xứ đồng Dộc Lẹ, thôn Phù Lang. Quá trình giải quyết tranh chấp ở địa phương giữa bà T và bà Đ về diện tích đất ruộng 03 sào này, UBND xã Phù Lương cũng tiến hành hòa giải, nội dung xác nhận năm 1978 nhà bà T không vào HTX, tại thời điểm đó mỗi định xuất được chia 4 sào; gia đình bà T có 7 khẩu; diện tích cả gia đình được chia là 2,8 mẫu, trong đó có khẩu của bà T và bà Đ nên trả cho bà T 03 sào.

Tại phiên tòa Luật sư Th cho rằng lời khai của các đương sự trong vụ án thể hiện vào khoảng năm 1992-1993 khi ở nhà chồng bà T còn được địa phương chia cho 4 sào ruộng canh tác, đây mới chính là tiêu chuẩn ruộng của bà T. Đối với nội dung này, Tòa án đã làm việc với địa phương và xác định: Tiêu chuẩn ruộng chia theo nhân khẩu năm 1977-1978 của bà T là 4 sào trong số 28 sào ruộng ở nhà đẻ, ngoài ra bà T còn được địa phương chia 4 sào ruộng năm 1992-1993 khi ở nhà chồng, hai tiêu chuẩn ruộng được chia hai lần không liên quan, do vậy tổng số ruộng canh tác bà T được sử dụng là 8 sào.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà T là người có định suất được chia 04 sào ruộng trong tổng số diện tích ruộng 2 mẫu 8 sào của gia đình cụ T là có căn cứ. Thực tế ông Đ đã đồng ý trả lại cho bà T 01 sào tại xứ đồng Dộc Lẹ; còn lại 03 sào cũng tại xứ đồng Dộc Lẹ hiện đang do bà T quản lý sử dụng,

nhưng trên giấy tờ sổ sách (Tờ khai thuế) lại đứng tên bà Nguyễn Thị Đ. Đồng thời, bà Đ cũng đã xác nhận định suất của bà Tiệp và viết giấy tờ trả lại cho bà Tiệp định suất 04 sào ruộng của mình và hiện nay bà Đ còn đang được quản lý sử dụng 01 mẫu 4 sào. Do vậy, việc bà Nguyễn Thị T khởi kiện đòi 03 sào ruộng tại xứ đồng Dộc Lẹ đang đứng tên trên giấy tờ sổ sách của bà Nguyễn Thị Đ là có căn cứ. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ không được chấp nhận.

[4]Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thì thấy:

Thứ nhất, về việc không đưa những người được cấp đất nông nghiệp trong hộ gia đình vào tham gia tố tụng, gây ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của họ.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm đã làm việc với những người con của cụ Nguyễn Thế Từ, cụ Trần Thị H và các người con của ông Nguyễn Thế Đắc, bà Nguyễn Thị Đ.

Bà Nguyễn Thị Â, ông Nguyễn Thế Đ đồng tình với quan điểm của bà Đ và cho rằng diện tích 03 sào ruộng bà H đã tách chia cho bà Nguyễn Thị Đ; ông Đ đã được cụ H cho 01 mẫu ruộng trong tổng số 2 mẫu 8 sào của cụ H, phần còn lại 1 mẫu 8 sào cho bà Đ; bà Ân khẳng định thời điểm chia ruộng bà không có tiêu chuẩn trong hộ gia đình, cũng không được bà H cho ruộng nên bà không có liên quan gì. Bà Nguyễn Thị T xác nhận bà đã được bà Đ viết giấy xác nhận tách cho bà 04 sào ruộng thuộc định xuất của bà, không liên quan gì đến ruộng đang tranh chấp giữa bà T và bà Đ. Bà Nguyễn Thị Q xác nhận 03 sào ruộng này thuộc định suất của bà T là đúng vì thực tế bà T sử dụng ruộng này từ năm 1990; đối với định suất của bà thì bà sẽ làm đơn khởi kiện đòi lại sau.

Anh Nguyễn Thế Đ, anh Nguyễn Thế T và chị Nguyễn Lệ H là con của ông Nguyễn Thế Đ, bà Nguyễn Thị Đ đều xác nhận diện tích 03 sào ruộng đang tranh chấp này giữa bà T và bà Đ là của bà Đ được cụ H cho từ năm 1990; các anh chị chưa được bà Đ chia cho đất nên không có quyền lợi gì đối với 03 sào ruộng này, bà Đ là người có toàn quyền đối với diện tích đất này.

Cả bà Â, ông Đ, bà Q, bà T, anh Đ, anh T và chị H đều xác nhận không liên quan gì đến diện tích 03 sào ruộng đang tranh chấp này giữa bà T và bà Đ; đồng thời đề nghị Tòa án không đưa họ vào tham gia giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ án không gây ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của họ.

*Thứ hai,*liên quan đến diện tích đất nông nghiệp được thẩm định có sự chênh lệch so với tờ khai thu thuế năm 2000.

Tòa án cấp phúc thẩm đã làm việc với UBND xã Phù Lương, đại diện theo ủy quyền của bà Đ và xác định trên sổ sách của bà Nguyễn Thị Đ tại xứ đồng Dộc Lẹ, thôn Phù Lang, xã Phù Lương chỉ có duy nhất 03 sào ruộng đang tranh chấp với bà Nguyễn Thị T; ngoài ra bà Đ không còn diện tích ruộng này khác tại xứ đồng Dộc Lẹ này. Việc sai số giữa diện tích thẩm định tại chỗ (1.080 m^2) và diện tích ghi trong tờ khai thuế (1.125 m^2) là do sai số đo đạc qua từng thời kỳ và biến động trong quá trình sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ kết quả

xem xét thẩm định tại chỗ tại thời điểm hiện nay để giải quyết vụ án là có căn cứ nhưng phần Quyết định cần nêu rõ cụ thể diện tích của 03 sào ruộng này là 1.080 m^2.

Thứ ba, do diện tích 03 sào ruộng đang tranh chấp này giữa bà T và bà Đ hiện nay chưa được cấp GCNQSDĐ. Bản án sơ thẩm đã nhận định về quyền của bà Nguyễn Thị T được liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp GCNQSDĐ đối với 03 sào ruộng tại xứ đồng Dộc Lẹ này, nhưng trong phần Quyết định không tuyên quyền này cho bà T là thiếu sót. Nội dung kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh là có căn cứ nên HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho bà Nguyễn Thị T.

[4] Từ những nhận định nêu trên HĐXX thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là hoàn toàn có căn cứ. Tuy nhiên, nội dung phần quyết định của Bản án sơ thẩm còn có thiếu sót. Do vậy HĐXX bác toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh; sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 579 Bộ luật dân sự; Điều 101, điểm a Khoản 2 Điều 131Luật Đất đai; Điều 144, 147, 157, 165, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà T 03 sào ruộng (1.080 m^2) ở xứ đồng Dộc Lẹ, thôn Phù Lang, xã Phù Lương, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, có tứ cận: Phía Đông giáp ruộng nhà vợ chồng bà Lương ông Toàn; Phía Nam giáp ruộng nhà vợ chồng ông Tuế bà Liêm; Phía Tây giáp ruộng nhà ông Nho bà Hà; Phía Bắc giáp ruộng của bà T.

Bà Nguyễn Thị T có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp GCNQSDĐ đối với 1.080 m^2 ruộng ở xứ đồng Dộc Lẹ, thôn Phù Lang, xã Phù Lương, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

2. Án phí: Trả lại bà Nguyễn Thị T 300.000 đồngtiền tạm ứng án dân sự phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số……ngày…… tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-TAND huyện Quế Võ;
- Chi cục THADS huyện Quế Võ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Xuân Ninh